

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày: 13-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khiêng Sóc;
2. Ông Mai Văn Tài.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Neáng Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Châu Anh Ph, sinh ngày 22/8/1997, nơi sinh: Huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A L, xã C L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp A L, xã C L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Hoàng P và bà Trần Kim N; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: Không; nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học đến lớp 9 nghỉ đi làm tài xế lái xe; bị bắt tạm giam từ ngày 29-10-2019 đến nay, bị cáo có mặt.

2. Trần Minh T, sinh ngày 20/10/1988, nơi sinh: Huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm 4, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm 4, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Kh và bà Nguyễn Thị Út L; Vợ là Lại Thị V (đã ly hôn) có 01 đứa con sinh năm 2012, anh chị em có 02 người, bị cáo là người thứ 02; Tiền án: không; Tiền sự: Không; nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học đến lớp 7 thì nghỉ; bị bắt tạm giam từ ngày 29-10-2019 đến nay, bị cáo có mặt.

3. Võ Minh Q (tên gọi khác: Hòa), sinh ngày 02/9/1998, nơi sinh: Huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm 1, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm 1, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thái L và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ con, anh chị em có 04 người, bị cáo là người nhỏ nhất (thứ út); Tiền án: không; Tiền sự: Không; nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học đến lớp 8 thì nghỉ; bị bắt tạm giam từ ngày 29-10-2019 đến nay, bị cáo có mặt.

Bị hại:

Bà Trần Thị Q, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ 1, ấp TL, xã TL, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ 1, khóm 1, thị trấn C L, huyện T B, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Bà Lê Hồng Th, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ 4, khóm Hoà Thuận, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Chau Kim S, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 1, ấp An Thạnh, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Châu Hoàng P, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp A L, xã C L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (có mặt)

Bà Trần Kim N, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp A L, xã C L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (có mặt)

Bà Võ Thị P, sinh năm 1994. Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang, (có mặt)

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1966. Địa chỉ: khóm 4, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang, (có mặt)

Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp A N, xã LP, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (có mặt)

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp A N, xã LP, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (có mặt)

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp Núi Két, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang, (có mặt)

Ông Trần Thanh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: khóm 2, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang, (vắng mặt)

Ông Nguyễn Vũ Li, sinh năm 1992. Địa chỉ: khóm 5, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang, (vắng mặt)

Ông Sang Ra Mô N, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp T O, xã C L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (vắng mặt)

Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp A L, xã C L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (vắng mặt)

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp T T, xã N T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (vắng mặt)

Ông Trương Văn L, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp T P, xã C T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Châu Anh Ph, Trần Minh T và Võ Minh Q quen biết nhau do cùng tham gia câu lạc bộ xe máy “Win & Ex Tri Tôn” ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang vào năm 2017. Vào khoảng tháng 8-2019, T mua một máy in màu hiệu Canon và các thiết bị giá 2.020.000 đồng, giấy A4, rồi cùng Ph in hình xăm, logo xe máy để bán kiếm lời.

Đến tháng 9-2019, trong lúc tìm mẫu hình xăm và logo trên mạng thì Ph thấy ảnh tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng nên nảy sinh ý định làm tiền giả và nói cho T biết thì T đồng ý và cùng thực hiện. Ph dùng điện thoại di động kết nối mạng Internet tải hình ảnh tờ tiền mệnh giá 50.000 Việt nam đồng về rồi kết nối máy in màu Canon in 02 mặt ra được 04 tờ tiền trên giấy A4, nhưng do chất lượng xấu nên Ph đã đốt bỏ 04 tờ tiền này. Sau đó, Ph và T hỏi mượn Q 01 máy laptop để tiếp tục làm tiền giả, Q chủ động xin tham gia làm tiền giả cùng Ph, T và được đồng ý.

Tại nhà Ph, T và Ph (không có Q) tiếp tục tải hình tiền Việt Nam về điện thoại và dùng laptop chỉnh sửa in ra được 08 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng trên giấy A4, nhưng khi ép nhựa không thành công 02 tờ nên Ph đốt bỏ và còn lại 06 tờ tiền giả đã in 02 mặt. T, Ph và Q tiếp tục lên mạng Internet tìm hiểu cách thức làm tiền giả, tải hình ảnh tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng về máy và chuẩn bị bàn ủi, mua thêm một cuộn nilon màu trắng, 02 miếng kính, 02 cây kéo nhíp, 01 cây kéo cắt, sau đó mượn căn nhà do Nguyễn Văn Ph (bạn của T) thuê để sơn và sửa xe vì Phúc chỉ sửa chữa ban ngày, ban đêm thì không ai ngủ. Từ ngày 05 đến ngày 07-9-2019, T, Ph và Q mang tất cả phương tiện, công cụ và 06 tờ tiền giả đã in 02 mặt trước đó đến tiệm sửa xe của Phúc để tiến hành làm tiền giả. Tại đây T, Ph và Q đã làm được 10 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng. Sau đó, Ph điều khiển xe mô tô biển số 67L6 – 5831 chở Q mang theo 06 tờ tiền giả lưu hành trót lọt 05 tờ, chở T mang theo 04 tờ tiền giả lưu

hành trót lọt 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, bằng cách dùng tiền giả mua thức ăn, thuốc lá, xăng tại các tiệm tạp hóa nhỏ ven đường (không có bảng hiệu) dọc theo tuyến đường từ cầu Cây Me, thị trấn T T đến thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên và từ cầu Cây Me, thị trấn T T đến lộ rẽ Long Xuyên thuộc huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thu lợi 270.000 đồng tiền thật và chia nhau tiêu xài. Còn lại 02 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng khi mang đi lưu hành thì bị phát hiện nên Ph đã vứt bỏ 01 tờ và T cất giữ 01 tờ, ngoài ra trong quá trình làm tiền giả thì T, Ph và Q đã in được 46 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cùng số seri DH036067011; 19 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng cùng số seri BF07640604 và 29 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng cùng số seri FK05256989, chưa kịp đem ra lưu hành. Đến ngày 28-10-2019, Nguyễn Văn Đ (cha ruột Phúc) đến tiệm sửa xe của Phúc thì phát hiện công cụ, phương tiện làm tiền giả và các tờ tiền chưa được lưu hành để lại trong phòng nên trình báo Công an xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn.

T, Ph và Q bị bắt tạm giam từ ngày 29-10-2019 đến ngày 05-11-2019 bị khởi tố để điều tra.

Vật chứng thu được:

01 máy in màu hiệu Canon; 01 Laptop hiệu dell; 01 cái bàn ủi; 01 xấp giấy A4; 46 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cùng số seri DH036067011 (trong đó 37 tờ đã được cắt rời chưa ép nylon, 09 tờ còn nguyên trên giấy A4); 19 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng cùng số seri BF07640604 (đã cắt rời, chưa ép nylon); 30 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng cùng số seri FK05256989 (trong đó 20 tờ đã cắt rời chưa ép nylon, 09 tờ còn nguyên trên giấy A4, 01 tờ do bà Nguyễn Thị Út L (mẹ của bị cáo T) giao nộp; 04 điện thoại di động (hiệu OPPO A71 màu đen, REALME 3 PRO màu xanh kèm 01 sim số 0378666240, REDMI 7 màu xanh kèm 01 sim số 0868077266 và SAMSUNG NOTE 9); 01 chiếc xe mô tô biển số 67L6 – 5831; 02 kéo nhíp kim loại màu đen; 01 kéo cắt bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu xanh; 02 tấm kính; ½ Lưỡi lam; 01 lọ thủy tinh; 01 bật lửa màu tím; 01 cuộn nylon màu trắng.

Đã trả lại 01 chiếc xe mô tô biển số 67L6 – 5831 đứng tên Châu Hoàng P (theo giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0051229); 01 cây kéo kim loại bằng nhựa tay cầm màu tím, 01 bàn ủi hiệu National Matsushita Electric cho Châu Hoàng P và Trần Kim N (cha mẹ ruột bị cáo Ph); 01 Laptop hiệu dell cho Võ Thị P (chị ruột bị cáo Q); 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 9 cho Nguyễn Văn Ph.

Kết luận giám định số 100/KLGT-PC09(TL) ngày 01-11-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận: 46 tờ tiền mệnh giá 500.000 VNĐ cùng số seri DH036067011 là tiền giả; 19 tờ tiền mệnh giá 200.000 VNĐ cùng số seri BF07640604 là tiền giả; 30 tờ tiền mệnh giá 50.000 VNĐ cùng số seri FK05256989 là tiền giả.

Kết luận giám định số 149/KLGT-PC09(KTSĐT) ngày 29-11-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu nghi vấn có liên quan đến vụ việc, lưu trữ trong 04 điện thoại di động và 01 laptop (ký hiệu: A1 – A5) do

Cơ quan An Ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang gửi giám định, chi tiết thể hiện trong 05 phụ lục và 01 đĩa DVD kèm theo.

Kết luận giám định số 50/KLGT-PC09(ĐV) ngày 06-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận:

+ 02 dấu vết đường vân trên 02 tấm kính cùng kích thước (26,3 x 9,5 x 0.5) cm với dấu vết vân tay in ở ô ngón cái phải và trở phải trên Danh chỉ bản số 71 lập ngày 05-11-2019 tại PC11 – Công An tỉnh An Giang viết tên Châu Anh Ph, sinh năm 1997 là của cùng một người in ra.

+ 02 dấu vết đường vân trên tấm kính thứ nhất, kích thước (26,3 x 9,5 x 0.5) cm và 01 dấu vết đường vân trên tờ giấy khổ A4 có in tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, số seri FK05256989 với dấu vân tay in ở ô ngón cái phải và trở phải trên Danh chỉ bản số 72, lập ngày 05-11-2019 tại PC11 – Công An tỉnh An Giang viết tên Võ Minh Q, sinh năm 1998 là của cùng một người in ra.

+ 01 dấu vết đường vân trên tấm kính thứ 2 kích thước (26,3 x 9,5 x 0.5) cm với dấu vân tay in ở ô ngón cái trái trên Danh chỉ bản số 73, lập ngày 05-11-2019 tại PC11 – Công An tỉnh An Giang viết tên Trần Minh T, sinh năm 1988 là của cùng một người in ra.

Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Châu Anh Ph, Trần Minh T và Võ Minh Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng.

Tuy nhiên tại phiên tòa:

Bị cáo Châu Anh Ph khai nhận: bị cáo quen với bị cáo T và bị cáo Q năm 2017 vì tham gia chung câu lạc bộ “Win & Ex Tri Tôn” ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Trong thời gian quen biết thì T mua các vật dụng như máy in và giấy A4 cùng bị cáo in hình xăm và logo xem bán kiểm lời, trong lúc lên mạng Internet tìm hình thì bị cáo thấy hình ảnh tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng nên nảy sinh ý định làm tiền giả và rủ T cùng cùng thực hiện. Sau đó bị cáo và T mượn Q một chiếc laptop để phục vụ cho việc làm tiền giả, Q biết việc làm tiền giả nên chủ động xin tham gia. Nguyễn Văn Ph là bạn của T, Phúc có thuê một căn nhà để mở tiệm sơn và sửa xe tên là “Phúc An”, vì tiệm sửa xe nên Phúc chỉ làm ban ngày còn ban đêm thì không ai ở. Vì thế, bị cáo cùng T và Q mượn tiệm của Phúc để phục vụ cho việc làm tiền giả, trong quá trình làm tiền giả thì bị cáo cùng T và Q chỉ lưu hành được 08 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng, thối thu được 270.000 đồng tiền thật và chia nhau mỗi người 90.000 đồng tiêu xài.

Do đó bị cáo thừa nhận hành vi làm và lưu hành 08 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng. còn đối với 46 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, 19 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng và 30 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng mà cơ quan điều tra thu được, thì số tiền này chưa được ép nilon và còn trên giấy A4, bị cáo chưa lưu hành nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại.

Bị cáo Trần Minh T và bị cáo Võ Minh Q thống nhất khai nhận như bị cáo Châu

Anh Ph.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có ý kiến trình bày như sau:

- Trần Thị Q, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị L, Lê Hồng Th (là những người bán tạp hóa trên tuyến đường từ cầu Cây Me đến thị trấn Nhà Bàng) trình bày: khoảng 20 giờ đến 22 giờ không nhớ rõ ngày, tháng, Quyền có bán cho 02 thanh niên gói thuốc lá Jet giá 20.000 đồng, Liễu bán 2 cái bánh bao giá 30.000 đồng, hai thanh niên đưa cho Quyền và Liễu tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, sau khi hai thanh niên bỏ đi mới phát hiện tiền giả. Hương bán 03 ổ bánh mì giá 30.000 đồng, hai thanh niên đưa tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, sau đó 02 thanh niên quay lại buộc Hương đổi lại tờ 50.000 đồng nói là tiền giả. Quyền, Hương, Liễu không nhớ đặc điểm của hai thanh niên trên. Quyền yêu cầu bồi thường số tiền 50.000 đồng, Hương, Liễu, Thẩm không có yêu cầu.

- Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Đ trình bày: khoảng tháng 9-2019, Phúc có cho T mượn tiệm sửa xe “Phúc An” để T in hình xăm và logo xe gắn máy, sau đó Phúc phát hiện T, Ph, Q in và làm tiền giả nên Phúc có yêu cầu T đưa tất cả phương tiện, dụng cụ ra khỏi tiệm nhưng T chưa thực hiện. Đến trưa ngày 28-10-2019, ông Nguyễn Văn Đ là cha ruột của Phúc đến tiệm sửa xe để dọn dẹp thì phát hiện tiền giả nên báo Công an xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn.

- Châu Hoàng P, Trần Kim N (cha mẹ ruột bị cáo Ph) và Nguyễn Thị Út Lớn (mẹ ruột bị cáo T) trình bày: Chiếc xe mô tô biển số 67L6 – 5831, 01 cây kéo cắt bằng kim loại, 01 bàn ủi là của Phương và Ngân. Việc T, Ph và Q sử dụng xe và các dụng cụ trên để làm và lưu hành tiền giả thì Phương, Ngân và Út Lớn không biết, Phương, Ngân đã nhận lại các phương tiện, dụng cụ nêu trên, không có yêu cầu gì. Riêng bà Út Lớn nộp cho Cơ quan An Ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang 01 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng tìm được trong bóp của T.

- Võ Thị P (chị ruột của Q) trình bày: Máy Laptop hiệu dell là của Ph cho Q mượn và Ph cũng không biết Q sử dụng vào việc làm tiền giả, hiện Ph đã nhận lại máy và không có yêu cầu gì.

- Nguyễn Thị H, Châu Kim S, Trần Thanh T, Nguyễn Vũ Li, Sang Ra Mô N, Huỳnh Văn L, Nguyễn Thanh T, Trương Văn L có lời khai phù hợp với nội dung vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKSAG.P2 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Châu Anh Ph, Trần Minh T, Võ Minh Q về tội “*Làm, lưu hành tiền giả*” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Châu Anh Ph, Trần Minh T, Võ Minh Q về tội “*Làm, lưu hành*

tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng, vai trò thực hiện hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt, áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Châu Anh Ph từ 06 năm đến 07 năm tù.

Bị cáo Trần Minh T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Võ Minh Q từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị phạt bổ sung tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo nộp 270.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước (cụ thể mỗi bị cáo 90.000 đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý:

- Tịch thu tiêu hủy: 46 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cùng số seri DH036067011 (trong đó 37 tờ đã được cắt rời chưa ép nylon, 09 tờ còn nguyên trên giấy A4); 19 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng cùng số seri BF07640604 (đã cắt rời, chưa ép nylon); 30 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng cùng số seri FK05256989 (trong đó 20 tờ đã cắt rời chưa ép nylon, 09 tờ còn nguyên trên giấy A4, 01 tờ do bà Nguyễn Thị Út Lớn (mẹ của bị cáo T) giao nộp (đã giám định xác định là tiền giả) do đây là vật cầm lưu hành.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 xấp giấy A4; 02 kéo nhíp kim loại màu đen; 01 kéo lớn bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu xanh; 02 tấm kính; ½ Lưỡi lam; 01 lọ thủy tinh; 01 bật lửa màu tím; 01 cuộn nylon màu trắng là dụng cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng hoặc có giá trị sử dụng thấp.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 máy in màu hiệu Canon; 02 điện thoại di động (hiệu OPPO A71 màu đen, REALME 3 PRO màu xanh kèm 01 sim số 0378666240).

- Trả lại cho bị cáo Võ Minh Q điện thoại di động REDMI 7, màu xanh và 01 sim số 0868077266).

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Châu Anh Ph, Trần Minh T, Võ Minh Q liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị Q số tiền 50.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn Ph, Phúc không biết bị cáo T mượn tiệm sửa xe để làm tiền giả, khi phát hiện Phúc đã yêu cầu T đem ra khỏi tiệm và trình báo Công an, Còn Nguyễn Vũ Li, Sang Ma Rô Ni, Huỳnh Văn L, Nguyễn Thanh T, Trương Văn L vô tình phát hiện các bị cáo in hình các tờ tiền giả để trong phòng nhưng không biết mục đích in

tiền làm gì, do đó chưa đủ căn cứ để xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tổ tụng

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại và người làm chứng vắng mặt, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên. Quá trình điều tra, bị hại, người làm chứng đã có lời khai, ý kiến trình bày nên việc vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với với các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa cùng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng vụ án cùng với những tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ có căn cứ xác định:

Các bị cáo biết tờ tiền mệnh giá 50.000 Việt Nam đồng có số sêri: FK05256989 là tiền giả do các bị cáo làm ra, các bị cáo đã sử dụng tờ tiền giả đó mua bán bao, bánh mì, thuốc hút tại các tiệm tạp hóa nhỏ ven đường nhằm thu lợi tiền thật từ các bị hại với số tiền là 270.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội làm, lưu hành tiền giả.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày 46 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, 19 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng và 30 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng mà cơ quan chức năng thu được thì số tiền này chưa được ép nilon và còn trên giấy A4, các bị cáo cũng chưa lưu hành nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Qua xem xét, việc các tờ tiền nêu trên chưa thành phẩm và chưa được lưu hành là do các bị cáo chưa có điều kiện và

thời gian để lưu hành. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã có hành vi làm giả 110 tờ tiền Việt Nam đồng, gồm: 46 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 19 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 45 tờ mệnh giá 50.000 đồng, tổng cộng 29.050.000 đồng. Dem đi lưu hành hoàn thành 08 tờ mệnh giá 50.000 đồng, được thối lại 270.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Làm, lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, cố ý làm ra tiền giả để lưu hành, sử dụng với mục đích lấy lại tiền thật, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền về phát hành và quản lý tiền tệ của Nhà nước mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Xét vai trò của các bị cáo, bị cáo Ph là người chủ động rủ các bị cáo T, Q cùng thực hiện và cùng bị cáo T làm giả số tiền 29.050.000 đồng, trong đó cùng bị cáo Q làm giả số tiền 28.750.000 đồng. Do đó, cần xử lý đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.2] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng, các bị cáo đã nhiều lần làm và lưu hành tiền giả nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ, nhận thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo mới phạm tội lần đầu, phạm tội mang tính nhất thời, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên có xem xét giảm nhẹ khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[2.3] Về hình phạt bổ sung:

Do hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên ngoài hình phạt chính cần phải phạt bổ sung tiền mỗi bị cáo 10.000.000 đồng nhằm đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Đối với Nguyễn Văn Ph, Phúc không biết bị cáo T mượn tiệm sửa xe để làm tiền giả, khi phát hiện Phúc đã yêu cầu T đem ra khỏi tiệm và trình báo Công an, Còn Nguyễn Vũ Li, Sang Ma rô Ni, Huỳnh Văn L, Nguyễn Thanh T, Trương Văn L vô tình phát hiện các bị cáo in hình các tờ tiền giả để trong phòng nhưng không biết mục đích in tiền làm gì, do đó chưa đủ căn cứ nên không xử lý là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Q yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 50.000 đồng, nhận thấy thiệt hại về tài sản của chị Quyền do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, nên buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị Q số

tiền 50.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 46 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cùng số seri DH036067011 (trong đó 37 tờ đã được cắt rời chưa ép nylon, 09 tờ còn nguyên trên giấy A4); 19 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng cùng số seri BF07640604 (đã cắt rời, chưa ép nylon); 30 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng cùng số seri FK05256989 (trong đó 20 tờ đã cắt rời chưa ép nylon, 09 tờ còn nguyên trên giấy A4, 01 tờ do bà Nguyễn Thị Út L (mẹ của bị cáo T) giao nộp (đã giám định xác định là tiền giả) do đây là vật cấm lưu hành nên tịch thu để tiêu hủy;

- Đối với 01 xấp giấy A4; 02 kéo nhíp kim loại màu đen; 01 kéo lớn bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu xanh; 02 tấm kính; ½ Lưỡi lam; 01 lọ thủy tinh; 01 bát lửa màu tím; 01 cuộn nylon màu trắng là dụng cụ mà các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, nhận thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 máy in màu hiệu Canon; 02 điện thoại di động hiệu OPPO A71 màu đen và REALME 3 PRO màu xanh kèm 01 sim số 0378666240, do bị cáo Ph, T sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với điện thoại di động hiệu REDMI 7 màu xanh kèm 01 sim số 0868077266 thu của bị cáo Q, nhận thấy không liên quan đến quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Châu Anh Ph, Trần Minh T, Võ Minh Q (tên gọi khác: Hòa) phạm tội “Làm, lưu hành tiền giả”;

Xử phạt:

Bị cáo Châu Anh Ph: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 29-10-2019 (Hai mươi chín tháng mười hai nghìn không trăm mười chín).

Bị cáo Trần Minh T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 29-10-2019 (Hai mươi chín tháng mười hai nghìn không trăm mười chín).

Bị cáo Võ Minh Q: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 29-10-2019 (Hai mươi chín tháng mười hai nghìn không trăm mười chín).

Phạt bổ sung tiền mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Châu Anh Ph, Trần Minh T, Võ Minh Q liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị Q số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

Buộc mỗi bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 90.000 đồng (chín mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 46 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cùng số seri DH036067011 (trong đó 37 tờ đã được cắt rời chưa ép nilon, 09 tờ còn nguyên trên giấy A4); 19 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng cùng số seri BF07640604 (đã cắt rời, chưa ép nilon); 30 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng cùng số seri FK05256989 (trong đó 20 tờ đã cắt rời chưa ép nilon, 09 tờ còn nguyên trên giấy A4, 01 tờ do bà Nguyễn Thị Út L (mẹ của bị cáo T) giao nộp: 01 xấp giấy A4 do đây là vật cầm lưu hành; 02 kéo nhíp kim loại màu đen; 01 kéo lớn bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu xanh; 02 tấm kính; ½ Lưỡi lam; 01 lọ thủy tinh; 01 bật lửa màu tím; 01 cuộn nilon màu trắng.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 máy in màu hiệu Canon; 02 điện thoại di động hiệu OPPO A71, màu đen và REALME 3 PRO, màu xanh cùng sim số 0378666240 (đã qua sử dụng).

Trả cho bị cáo Võ Minh Q điện thoại di động REDMI 7, màu xanh cùng sim số 0868077266 (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09-3-2020 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Châu Anh Ph, Trần Minh T, Võ Minh Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, cộng chung tiền án phí mỗi bị cáo phải chịu là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- Cơ quan THAHS, HTTP (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Hùng